

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21PHCN

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Các nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 03 / 2023Phòng thi: D71.103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117321001	Đặng Huỳnh Ngọc Anh	08/03/2003	Nữ	9,8	7,0	8,4	001	<u>Cao</u>		
2	117321002	Đinh Hồng Chơn	18/08/2003	Nam	8,0	5,0	6,5	002	<u>Chon</u>		
3	117321003	Đỗ Tiến Đạt	05/02/2003	Nam	9,0	3,8	6,4	003	<u>Do</u>		
4	117321007	Dương Thanh Hương	18/09/2003	Nữ	8,5	2,8	5,7	004	<u>Do</u>		
5	117321011	Kim Duy Luân	15/02/2003	Nam							
6	117321012	Viên Văn Ngà	07/01/2002	Nam	8,3	3,8	6,1	006	<u>Ngà</u>		
7	117321018	Nguyễn Hương Quyên	01/01/2003	Nữ	7,5	6,3	6,9	007	<u>Quyên</u>		
8	117321021	Trương Quốc Thắng	19/06/2003	Nam	8,0	6,3	7,2	008	<u>Thang</u>		
9	117321023	Nguyễn Thị Bảo Thi	13/12/2003	Nữ	8,8	3,8	6,3	009	<u>Thi</u>		
10	117321025	Phạm Minh Thư	07/03/2003	Nữ	8,5	4,3	6,4	010	<u>Thư</u>		
11	117321027	Hà Lương Xuân Trinh	31/01/2003	Nữ	7,5	5,0	6,3	011	<u>Trinh</u>		
12	117321032	Nguyễn Thúy Vy	15/02/2003	Nữ	7,5	3,0	5,3	012	<u>Vy</u>		
13	117321034	Nguyễn Thị Như Ý	20/01/2003	Nữ	8,3	4,3	6,3	013	<u>Thuy</u>		
14	117321036	Kim Tấn Lộc	05/11/2003	Nam	8,0	4,0	6,0	014	<u>Lok</u>		
15	117321037	Nguyễn Trần Thuý Vy	20/03/2003	Nữ	8,5	3,3	5,9	015	<u>Vy</u>		
16	117321038	Nguyễn Huỳnh Như Ý	20/10/2003	Nữ	7,0	5,0	6,0	016	<u>Y</u>		
17	117321040	Trần Sùng Bách	01/07/2003	Nam	8,3	4,8	6,6	017	<u>Bach</u>		
18	117321042	Nguyễn Quang Nhất	25/10/2003	Nam	7,5	3,0	5,3	018	<u>Nhat</u>		
19	117321049	Nguyễn Thị Thùy Dương	28/12/2003	Nữ	7,5	5,3	6,4	019	<u>Do</u>		
20	117321051	Nguyễn Tuyết Mai	24/09/2003	Nữ	7,8	5,0	6,4	020	<u>Mai</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Đặng Ngọc Anh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: QuangCán bộ kiểm tra: ThiNguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21PHCN
CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
21 / 3 / 2023
Phòng thi: Đ.7.1.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117321052	Huỳnh Thị Thanh Hiền	14/05/2021	Nữ	7,5	5,3	6,4	001	<i>[Signature]</i>		
2	117321053	Nguyễn Văn Thạnh	06/02/1997	Nam	8,5	3,5	6,0	002	<i>[Signature]</i>		
3	117321055	Nguyễn Quốc Tường	18/01/2002	Nam	8,3	6,8	7,6	003	<i>[Signature]</i>		
4	117321056	Lê Thị Cẩm Liên	28/02/1999	Nữ	10,0	6,3	8,2	004	<i>[Signature]</i>		
5	117321057	Phạm Thị Ngọc Ánh	06/02/2003	Nữ	9,3	5,8	7,6	005	<i>[Signature]</i>		
6	117321061	Hoàng Vũ Hồng Nhung	02/06/2003	Nữ	8,0	5,5	6,8	006	<i>[Signature]</i>		
7	117321063	Nguyễn Đình Thanh Hùng	11/10/1999	Nam	10,0	6,8	8,4	007	<i>[Signature]</i>		
8	117321064	Dương Mỹ Hạnh	05/09/2003	Nữ	10,0	7,3	8,7	008	<i>[Signature]</i>		
9	117321066	Ngô Thành Nhân	09/01/2003	Nam	9,5	6,3	7,9	009	<i>[Signature]</i>		
10	117321067	Châu Nhật Trường	11/11/2003	Nam	9,8	6,8	8,3	010	<i>[Signature]</i>		
11	117321071	Trần Thị Mỹ Ngân	21/07/2001	Nữ	7,5	6,3	6,9	011	<i>[Signature]</i>		
12	117321079	Nguyễn Khải Minh	30/01/2003	Nam	7,5	4,5	6,0	012	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12
Tổng số tờ: 12

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Đường Kim Hoàn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*
Trần Văn Ba

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA20DCN

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: *Trắc nghiệm*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/03/2023

Phòng thi: *D71.103*

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112120002	Mai Thanh Bình	16/07/2002	Nam	8,0	53	6,7	001	<i>[Signature]</i>		
2	112120005	Thái Sô Đa	08/06/2002	Nam	7,0	50	6,0	002	<i>[Signature]</i>		
3	112120008	Trần Minh Được	27/11/2002	Nam	7,5	30	5,3	003	<i>[Signature]</i>		
4	112120009	Ngô Thị Thúy Duy	02/06/2002	Nữ	7,3	45	5,9	004	<i>[Signature]</i>		
5	112120017	Lê Quốc Hiếu	17/05/2002	Nam	7,5	45	6,0	005	<i>[Signature]</i>		
6	112120019	Mai Hoàng Huy	10/05/2002	Nam	6,5						
7	112120020	Nguyễn Danh Kha	25/08/2002	Nam	10,0	60	8,0	007	<i>[Signature]</i>		
8	112120026	Lâm Nhật Khương	21/01/2002	Nam	8,0	48	6,4	008	<i>[Signature]</i>		
9	112120029	Nguyễn Minh Luân	01/01/2002	Nam	7,5	40	5,8	009	<i>[Signature]</i>		
10	112120030	Thạch Mai	25/10/2002	Nam	7,0	45	5,8	010	<i>[Signature]</i>		
11	112120032	Nguyễn Trương Minh Nghĩa	13/10/2002	Nam	7,5	35	5,5	011	<i>[Signature]</i>		
12	112120033	Châu Chí Nhân	13/05/2002	Nam	7,3	40	5,7	012	<i>[Signature]</i>		
13	112120035	Thạch Sang Mô Ny	12/10/2000	Nam	7,5	43	5,9	013	<i>[Signature]</i>		
14	112120037	Đoàn Văn Thanh Phong	11/01/2002	Nam	7,5	48	6,2	014	<i>[Signature]</i>		
15	112120038	Phạm Hoàng Phú	20/12/2002	Nam	7,5	25	5,0	015	<i>[Signature]</i>		
16	112120041	Trì Hoàng Sơn	22/01/2002	Nam	8,0	38	5,9	016	<i>[Signature]</i>		
17	112120047	Trương Thị Anh Thư	17/01/2001	Nữ	8,5	60	7,3	017	<i>[Signature]</i>		
18	112120050	Nguyễn Minh Trí	02/04/2002	Nam	7,3	38	5,6	018	<i>[Signature]</i>		
19	112120053	Lê Minh Trường	10/10/2002	Nam	6,0	35	4,8	019	<i>[Signature]</i>		
20	112120054	Huỳnh Ngọc Tỳ	24/12/2002	Nam	7,5	40	5,8	020	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: *20*

Tổng số sv, hs dự đánh giá: *19*

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: *19*

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: *50* %; Điểm KT: *50* %

Trà Vinh, Ngày *30* tháng *3* năm *2023*

Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA20DCN

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: *Thi nghiêm*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/03/2023

Phòng thi: D71103

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112120056	Nguyễn Trường Vũ	21/06/2002	Nam	7,0	3,8	5,4	021	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: *01*Tổng số sv, hs dự đánh giá: *01*Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: *01*

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: *Trần Ngọc Anh*Điểm QT: *50*%; Điểm KT: *50*%Trà Vinh, Ngày *30* tháng *3* năm *2023*Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]**Nguyễn Thị Lành*

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

2113
D71.106

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21LDS
CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Tự luận
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
21 / 3 / 2023
Phòng thi: D71.106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114121014	Lâm Nguyễn Hân	19/09/2003	Nữ	8,5	6,8	7,7	001			
2	114121016	Võ Thị Ngọc	03/06/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	002			
3	114121018	Lê Thanh Hiếu	21/05/2003	Nam	7,3	4,0	5,7	003			
4	114121028	Nguyễn Lê Trà Mi	31/08/2003	Nữ	7,5	4,0	5,8	004			
5	114121047	Ngô Phước Sang	10/11/2003	Nam	6,8	3,3	5,1	005			
6	114121048	Trần Vĩnh Thái	22/09/2003	Nam	7,3	5,0	6,2	006			
7	114121052	Nguyễn Thị Cẩm Thi	11/12/2003	Nữ	6,8	4,0	5,4	007			
8	114121055	Phan Minh Thư	12/10/2003	Nữ	7,3	5,0	6,2	008			
9	114121057	Nguyễn Thị Thanh Thủy	25/11/2003	Nữ	7,3	5,3	6,3	009			
10	114121061	Trần Huyền Trân	13/05/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	010			
11	114121063	Phạm Thị Kiều Trang	23/10/2003	Nữ	6,8	4,0	5,4	011			
12	114121071	Thạch Vũ Thuý Vy	01/05/2003	Nữ	7,0	4,5	5,8	012			
13	114121143	Nguyễn Văn Cảnh	17/07/2003	Nam	7,3	5,0	6,2	015			
14	114121146	Đặng Hữu Vinh	29/09/2003	Nam	7,3	4,8	6,1	013			
15	114121182	Lý Hà Phương	24/05/2003	Nữ	8,3	5,5	6,9	014			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16
Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21QKDA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/3/2023Phòng thi: D71.104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112221007	Đinh Hoà Bảo	13/04/2003	Nam	8,5	3,8	6,2	001	<i>Heo</i>		
2	112221008	Nguyễn Hoàng Bé	01/01/2003	Nam	10,0	4,0	7,0	002	<i>Bé</i>		
3	112221009	Nguyễn Thị Hồng	20/08/2002	Nữ	9,5	5,3	7,4	003	<i>Hồng</i>		
4	112221012	Trang Văn Cường	02/10/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	004	<i>Cường</i>		
5	112221018	Phan Đình Duy	15/06/2003	Nam	8,5	5,3	6,9	005	<i>Duy</i>		
6	112221028	Trần Trung Hào	28/06/2003	Nam	9,3	5,0	7,2	006	<i>Hào</i>		
7	112221031	Trần Văn Hậu	01/11/2003	Nam	7,8	5,5	6,7	007	<i>Hậu</i>		
8	112221032	Lê Gia Hoàng	2003	Nam	8,0	5,0	6,5	008	<i>Hoàng</i>		
9	112221034	Lê Thị Cẩm Hồng	15/10/2002	Nữ	7,5	3,0	5,3	009	<i>Hồng</i>		
10	112221039	Phùng Minh Kha	07/05/2003	Nam	7,8	5,5	6,7	010	<i>Kha</i>		
11	112221040	Đặng Đồng An Khang	12/01/2000	Nam	7,0	3,8	5,4	011	<i>An</i>		
12	112221045	Châu Anh Kiệt	12/12/2003	Nam	8,0	4,3	6,2	012	<i>Kiệt</i>		
13	112221055	Kiến Hoàng Mai	31/07/2003	Nữ	8,5	4,3	5,4	013	<i>Mai</i>		
14	112221069	Trương Hồng Ngọc	03/01/2003	Nữ	9,5	4,5	7,0	014	<i>Ngọc</i>		
15	112221078	Nguyễn Hoàng Nhân	13/09/2003	Nam	9,8	5,5	7,7	015	<i>Nhan</i>		
16	112221080	Lâm Thị Tuyết Nhi	13/07/2003	Nữ	9,8	4,3	7,1	016	<i>Nhi</i>		
17	112221081	Đặng Thị Mộng Nhi	19/02/2003	Nữ	9,5	3,8	6,7	017	<i>Nhi</i>		
18	112221086	Lê Thị Tố Như	19/09/2003	Nữ	9,8	5,5	7,7	018	<i>Như</i>		
19	112221090	Phạm Thị Hồng Phúc	24/07/2003	Nữ	8,8	5,0	6,9	019	<i>Phúc</i>		
20	112221093	Trần Vinh Quang	12/08/2003	Nam	8,8	4,5	6,7	020	<i>Quang</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: 20Cán bộ coi thi 1: Phan Đình Kim HânCán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 3: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 4: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 5: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 6: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 7: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 8: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 9: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 10: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 11: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 12: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 13: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 14: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 15: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 16: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 17: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 18: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 19: Nguyễn Thị LinhCán bộ coi thi 20: Nguyễn Thị LinhĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 30 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21QKDA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/3/2023Phòng thi: D71.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112221096	Phan Phạm Thu	Quyên	15/02/2003	Nữ	8,5	3,8	6,2	001	<u>Th</u>	
2	112221097	Nguyễn Mai Tú	Quyên	22/02/2003	Nữ	9,5	3,8	6,7	002	<u>Th</u>	
3	112221100	Thạch	Tài	12/10/2003	Nam	8,3	5,0	6,7	003	<u>Th</u>	
4	112221101	Lê Võ Anh	Tài	16/09/2002	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	
5	112221102	Nguyễn Thúy	Tâm	15/07/2003	Nữ	8,3	3,8	6,1	005	<u>Th</u>	
6	112221105	Phùng Mạnh	Tân	27/04/2002	Nam	8,0	4,8	6,4	006	<u>Th</u>	
7	112221108	Bùi Thị Thu	Thảo	29/05/2003	Nữ	9,0	3,0	6,0	007	<u>Th</u>	
8	112221112	Lương Thị Thu	Thảo	16/04/2003	Nữ	9,3	5,8	7,6	008	<u>Th</u>	
9	112221117	Võ Trí	Thịnh	24/10/2003	Nam	7,8	4,8	6,3	009	<u>Th</u>	
10	112221119	Dương Thị Hồng	Thư	19/12/2003	Nữ	9,0	4,5	6,8	010	<u>Th</u>	
11	112221126	Võ Hồng Anh	Thư	09/05/2003	Nữ	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	
12	112221129	Thái Thị Mỹ	Tiên	16/12/2003	Nữ	8,0	4,3	6,2	012	<u>Th</u>	
13	112221133	Lê Thị Hồng	Trang	28/07/2003	Nữ	9,8	4,5	7,2	013	<u>Th</u>	
14	112221136	Huỳnh Thị Kiều	Trinh	15/12/2002	Nữ	8,5	3,5	6,0	014	<u>Th</u>	
15	112221137	Trương Thị Cẩm	Tú	18/10/2003	Nữ	8,3	4,8	6,6	015	<u>Th</u>	
16	112221143	Nguyễn Hoài	Việt	27/11/2003	Nam	9,3	6,3	7,8	016	<u>Th</u>	
17	112221145	Đặng Bảo	Vy	16/04/2003	Nữ	9,5	5,0	7,3	017	<u>Th</u>	
18	112221157	Lê Thị Phương	Duyên	10/09/2003	Nữ	8,8	4,3	6,6	018	<u>Th</u>	
19	112221162	Lê Á	Phụng	01/11/2003	Nữ	7,8	3,0	5,4	019	<u>Th</u>	
20	112221189	Huỳnh Ôn	Nhiên	13/09/2003	Nam	8,3	3,8	6,1	020	<u>Th</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 30 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Ngọc HuyềnCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21QKDA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 3 / 2023Phòng thi: 071106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112221191	Chau Phék Tra	17/08/2000	Nam	8,0	3,8	5,4	016			
2	112221265	Đặng Thành Thật	16/10/2003	Nam	8,5	5,3	6,9	017			
3	112221268	Nguyễn Thị Đăng Thư	17/08/2003	Nữ	9,5	3,5	6,5	018			
4	112221285	Kiên Thị Thanh Ngân	17/03/2003	Nữ	8,0	3,0	5,5	019			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04..Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04..Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04..

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21QKDB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Tra miệng

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 3 / 2023Phòng thi: D21106

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112221140	Dư Hoàng Anh Văn	17/01/2003	Nam	<u>9,3</u>	<u>7,3</u>	<u>8,3</u>	<u>020</u>	<u>Van</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Minh HiệpĐiểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 30 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21THA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: *Trắc nghiệm*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....*21*...../*03*...../*2023*Phòng thi:.....*071.107*.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321041	Trần Thị Ngọc Kiều	27/06/2003	Nữ	<i>8,0</i>	<i>4,5</i>	<i>6,3</i>	<i>003</i>	<i>Trần</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....*01*.....Tổng số sv, hs dự đánh giá:*01*.....Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....*01*.....Tổng số tờ:.....*01*.....Điểm QT:.....*50*.....%; Điểm KT:.....*50*.....%Trà Vinh, Ngày *24* tháng *3* năm *2023*Cán bộ coi thi 1:.....*Nguyễn Anh Phi*.....Cán bộ ghi điểm:.....*Nguyễn Sơn Sơn*.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....*Nguyễn Thị Lành*.....

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21THB

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 03 / 2023Phòng thi: 071.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	114321024	Trần Thúy Duy	24/12/2003	Nữ	9,0	5,5	7,3	004	Duy		
2	114321042	Hà Xuân Lam	26/08/2001	Nữ	8,8	6,3	7,6	005	Lam		
3	114321046	Nguyễn Hữu Luân	18/03/2003	Nam	9,5	5,0	7,3	006	Luân		
4	114321058	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	15/10/2003	Nữ	9,5	6,0	7,8	007	Ngân		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04Tổng số tờ: 04Cán bộ coi thi 1: Ths Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn LaCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21THD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/03/2023Phòng thi: D7.1.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321136	Phạm Phúc Lộc	16/03/2003	Nam	10,0	7,8	8,9	008	<i>ĐVC</i>		
2	114321169	Nguyễn Thị Phương Như	28/11/2003	Nữ	9,3	4,8	7,1	009	<i>ĐVC</i>		
3	114321174	Nhan Thúy Vy	05/12/2003	Nữ	9,8	4,0	6,9	010	<i>ĐVC</i>		
4	114321196	Trần Khánh Linh	06/11/2003	Nữ	9,0	3,8	6,4	011	<i>ĐVC</i>		
5	114321252	Lê Ngọc Nhi	18/02/2003	Nữ	10,0	7,0	8,5	012	<i>ĐVC</i>		
6	114321253	Nguyễn Huỳnh Như	23/04/2003	Nữ	9,3	5,0	7,2	013	<i>ĐVC</i>		
7	114321327	Võ Kim Ngân	11/08/2003	Nữ	8,5	5,8	7,2	014	<i>ĐVC</i>		
8	114321340	Trần Thị Trúc Linh	05/01/2003	Nữ	8,5	4,3	6,4	015	<i>ĐVC</i>		
9	114321344	Huỳnh Nhật Trường	15/03/2003	Nam	10,0	5,5	7,8	016	<i>ĐVC</i>		
10	114321351	Hồ Minh Trung	22/12/2003	Nam	10,0	6,3	8,2	017	<i>ĐVC</i>		
11	114321356	Từ Nguyễn Huỳnh Anh	21/01/2003	Nữ	8,5	4,5	6,5	018	<i>ĐVC</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11Tổng số tờ: 11Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh PhiĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21TYA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 03 / 2023Phòng thi: 071 / 107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111321026	Thạch Duy	15/09/2003	Nam	7,3	4,0	5,7	019	<u>ML</u>		
2	111321128	Phan Thanh Thoảng	06/01/1999	Nữ	7,8	4,5	6,2	020	<u>Phan Thanh Thoảng</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02Tổng số tờ: 02Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh PhiĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21LTM

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21/03/2023Phòng thi: Đ71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114121033	Hồ Huệ Ngân	16/05/2003	Nữ	7,5	4,5	6,0	001	<u>h</u>		
2	114121189	Diệp Phúc Châu	01/07/2003	Nữ	9,5	6,5	8,0	002	<u>Chau</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02Tổng số tờ: 02Cán bộ coi thi 1: Anh Nguyễn Anh PhiĐiểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Son Son La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA20KDHT

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Thực hành

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 3 / 2023Phòng thi: D.71.105 (K2)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112120003	Trần Văn Bình	07/04/2002	Nam	8,0	4,8	6,4	001	<u>Đ</u>		
2	112120013	Nguyễn Trung Hậu	20/10/2002	Nam	8,0	3,5	5,8	002	<u>Đ</u>		
3	112120015	Trần Chí Hiện	28/10/2002	Nam	8,0	4,3	6,2	003	<u>Đ</u>		
4	112120045	Trần Đức Thịnh	03/02/2002	Nam	8,0	4,8	6,4	004	<u>Đ</u>		
5	112120048	Lâm Hoài Thương	23/05/2002	Nam	8,0	2,3	5,2	005	<u>Đ</u>		
6	112120055	Nguyễn Khánh Văn	17/03/2002	Nam	—	—	—	—	—		CT
7	112120114	Bùi Võ Nhật Băng	31/05/2002	Nam	8,3	3,0	5,7	007	<u>Đ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 07Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc TuyênCán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21DA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TNNgày hoàn thành đánh giá kết thúc
21 / 3 / 2023Phòng thi: D71 / 105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115621085	Nguyễn Trọng Nghĩa	10/10/2003	Nam	9,5	6,3	7,9	008			
2	115621163	Trần Trọng Nhân	01/10/2003	Nam	9,3	5,5	7,4	009			
3	115621167	Thạch Thành Tâm	11/12/2003	Nam	8,0	3,5	5,8	010			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc HuyềnCán bộ ghi điểm: Trần Trọng Nhân

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21DC

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 3 / 2023Phòng thi: DH. 105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115621083	Đặng Thị Ngọc Cẩm	01/12/2003	Nữ	9,3	5,0	7,2	011	<i>[Signature]</i>		
2	115621098	Vũ Ngọc Trinh	10/08/2003	Nữ	9,3	5,0	7,2	012	<i>[Signature]</i>		
3	115621136	Nguyễn Thúy Vy	01/04/2003	Nữ	9,8	5,3	7,6	013	<i>[Signature]</i>		
4	115621137	Nguyễn Minh Châu	16/02/2002	Nữ	9,8	5,3	7,6	014	<i>[Signature]</i>		
5	115621149	Tài Văn Ý	25/05/2003	Nữ	9,3	4,8	7,1	015	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023Cán bộ coi thi 1: *[Signature]*Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*Nguyễn Thị Ngọc HuyềnSơn Sơn Lê

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21KDA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....21...../.....3...../.....2023.....

Phòng thi:.....D71.....105.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112121026	Nguyễn Mạnh Huỳnh	18/08/2003	Nam	7,8	4,8	6,3	016	huynh		
2	112121084	Trần Anh Tuấn	04/12/2003	Nam	7,3	4,5	5,9	017	Tuan		
3	112121087	Nguyễn Văn Vinh	17/12/2003	Nam	7,3	4,5	5,9	018	Vinh		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....03.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:03.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....03.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày ..24.. tháng ..3.. năm ..2023..

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ ghi điểm:.....

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Trần Văn Tuấn

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21LH

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

21 / 3 / 2023

Phòng thi: D21-105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114121023	Nguyễn Châu Khang	19/04/2003	Nam	<u>7,5</u>	<u>4,3</u>	<u>5,9</u>	<u>020</u>	<u>Chau</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn Kha

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (125 -)/DA21LHS

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
21 / 3 / 2023

Phòng thi: D71. 105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114121011	Lê Thị Thúy	Duy	Nữ	7,5	3,8	5,7	019	<i>Thúy L</i>		
2	114121069	Đặng Khánh	Vi	Nữ	7,5	4,3	5,9	021	<i>Vi</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ ghi điểm: Phon Pon La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành